TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-DS	*Điện Biên, ngày 16 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà **Thái Thị L**, sinh năm 1933, Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thái Thị L đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Tuấn A**, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị D**, bà **Mai Thị Thanh L1** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên.

1.2. Bị đơn: Ông **Trần Bình M**, sinh năm 1960, Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Đã chết).

- **Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Trần Bình M**: Chị **Trần Thị Bảo Y**, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà X, Thôn T, xã S, thị xã S, TP. Hà nội.

- Chị **Trần Thị Thu Y1**, sinh năm 1989; nơi thường trú: Tổ Dân cư số X, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện tại: Tổ Dân phố X, phường H, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Chị **Trần Thị Kiều C,** sinh năm 1999; địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện.

- Bà **Trần Thị T**; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

*Người đại diện theo uỷ quyền của chị **Trần Thị Bảo Y,** chị **Trần Thị Thu Y1,** chị **Trần Thị Kiều C** là:* Bà **Trần Thị T**; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Ủy ban nhân dân huyện Đ**, tỉnh Điện Biên.

- Ông **Trần Anh T1**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông **Hoàng Như T2**, sinh năm 1952. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông **Trần Mạnh H**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- **Uỷ ban nhân dân xã N**, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bà **Trần Thị Bích T3**; địa chỉ: khu X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu.

- Ông **Nguyễn Đình K;** địa chỉ: thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bà **Trần Thị T**; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đối với phần đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Bình M thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K 053280, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 199/QSDĐ, UBND huyện Điện Biên cấp ngày 30/12/1996 gia đình bà T nhất trí để bà L quyền quản lý, sử dụng các thửa sau:

1. Thửa số 178 tờ bản đồ 18a, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 850m^2 (hiện nay bà L và Anh T1 đang sử dụng).

2. Thửa số 159 tờ bản đồ số 24 đ, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 840m^2 (hiện nay anh H và chị T3 là con ruột của bà L) đang sử dụng.

3. Thửa đất 850 tờ bản đồ 24 đ diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 248 m^2 (hiện nay đang do bà L sử dụng).

4. Thửa 250 tờ bản đồ 24 đ diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 356 m^2 (hiện nay đang do bà L sử dụng).

5. Đối với đất khu bãi màu tại thửa 248 d - tờ bản đồ số 24 C tổng diện tích thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8.544 m^2 (diện tích khi đo đạc thực tế 7.505,2m$^{2)}$; bà T nhất trí chia tách để bà L được quyền quản lý, sử dụng 01 mảnh diện tích 1000 m^2 có tứ cận liền kề như sau: Hướng Nam giáp

đường có vị trí từ mốc M10 đến mốc M11. Hướng Tây, Hướng Bắc giáp đất gia đình bà T từ mốc M11 đến mốc M18, M9. Hướng Đông giáp đất ông Lò Văn Pánh từ mốc M09 đến mốc M10.

2.2. Đối với thửa đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Bình Mình thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W612867, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 159 QSDĐ/2222-QĐ-UB/H-2002 UBND huyện Điện Biên cấp ngày 18/11/2002; gia đình bà T nhất trí để cho bà L được quyền quản lý sử dụng như sau:

1. Đối với phần đất ở thứ nhất: Gia đình bà T thống nhất thoả thuận chuyển quyền quản lý, sử dụng cho bà L: Hướng Bắc giáp đường liên xã có vị trí từ mốc M2 đến mốc M3. Hướng Đông và Hướng Nam giáp đất gia đình bà T từ mốc M3 đến mốc M4, M5, M6, M7. Hướng Tây giáp đất thửa đất ở thứ hai nhà bà T thoả thuận chuyển sang cho bà L từ mốc M7 đến mốc M8, M2.

2. Đối với phần đất ở thứ 2: gia đình bà T thống nhất thoả thuận chuyển quyền quản lý, sử dụng cho bà L: Hướng đông giáp đất thửa đất ở thứ nhất gia đình bà T thoả thuận chuyển sang cho bà L từ mốc M2 đến mốc M8, M7. Hướng Nam giáp đất gia đình bà T (ao) từ mốc M7 đến mốc M10, M11, M12. Hướng Tây giáp đất ông Sỹ từ mốc M13 đến mốc M14. Hướng Bắc giáp đất bà T3 từ Mốc M14 đến mốc M15, M16; giáp đất ông Tuấn từ mốc M16 đến mốc M17, M2.

3. Đối với phần đất đồi thứ nhất: gia đình bà T thống nhất thoả thuận chuyển quyền quản lý, sử dụng cho bà L có diện tích 2.360,7m^2: Hướng Bắc giáp đất ông Tiên từ mốc M27 đến mốc M28. Hướng Đông Bắc giáp đất gia đình bà T từ mốc M28 đến mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6. Hướng Nam giáp mảnh đất đồi thứ hai gia đình bà T đồng ý chuyển sang cho bà L từ mốc M6 đến mốc M26, M19. Hướng Tây giáp đất nghĩa trang khu vực bản Nôm từ mốc M19 đến mốc M20, M21, M22; giáp đất ông Bình từ mốc M22 đến mốc M23, M24, M25, M27.

4. Đối với phần đất đồi thứ hai: gia đình bà T thống nhất thoả thuận chuyển quyền quản lý, sử dụng cho bà L có diện tích 2.069,8m^2: Hướng Bắc giáp mảnh đất đồi thứ nhất bà T thoả thuận chuyển sang cho bà L từ mốc M19 đến mốc M26, M6; giáp đất gia đình bà T từ mốc M6 đến mốc M7, M8. Hướng Đông Nam giáp đất ông Pánh từ mốc M8 đến Mốc M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15. Hướng Tây giáp đất nghĩa trang khu vực bản Nôm từ mốc M15 đến mốc M16, M17, M18, M19.

Các mốc giới theo sơ đồ do Công ty trách nhiệm hữu hạn trắc địa Thành Đạt vẽ ngày 06 tháng 01 năm 2025 (có sơ đồ kèm theo).

Thời hạn giao quyền sử dụng đất kể từ ngày Tòa án tỉnh Điện Biên ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

2.3. Đối với phần diện tích đất thống nhất chuyển cho bà L, sau khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật thì bà L được thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K053208; số vào sổ cấp giấy chứng nhận 199 QSDĐ được UBND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cấp ngày 30/12/1996 cấp cho ông Trần Bình M và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất W 612867; số vào sổ Giấy chứng nhận: 159 QSDĐ/2222-QĐ-UB/H-2002 ngày 28/11/2002; đất cấp cho hộ ông Trần Bình M.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì nguyên đơn phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND Tỉnh Điện Biên;
- Cục T.H.A tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Bùi Thị Thu Hằng